TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/3/2018
V/v tranh chấp *"xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Khanh**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hoàng Trung**

Bà **Trần Thị Thu Thảo**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Thạch Hải Âu** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa: Ông **Lê Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 221/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Ngân Tr**, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp P, xã Q, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn Th**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp B, xã Q, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại giam Mỹ Phước, Tổng cục VIII, Bộ Công an

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Tr có mặt tại phiên tòa.

- Anh Th có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 18/10/2017 nguyên đơn chị Võ Thị Ngân Tr trình bày: Tôi và anh Trần Văn Th cưới nhau vào năm 1989, do mai mối và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, không hợp tính tình, anh Th ghen tuông vô cớ, không thể giải quyết được nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2006. Đến năm 2009 tôi nộp đơn xin ly hôn anh Th đến Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Vĩnh Long. Trong thời gian chờ Tòa án giải quyết thì anh Th phạm tội

giết người và bị bắt xử phạt 15 năm tù, hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại giam Mỹ Phước, Tổng cục VIII, Bộ Công an, nên tôi không thể tiếp tục chung sống với anh Th được nữa. Về con chung: Có ba con chung là Trần Thạch Ngh, sinh ngày 26/11/1990, Trần Thị Hương N, sinh ngày 22/10/1992 và Trần Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 29/3/1995, hiện ba con đã thành niên; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần văn Th; Về con chung: các con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung; Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2017 bị đơn anh Trần Văn Th trình bày: Về việc kết hôn và thời gian kết hôn như vợ tôi Võ Thị Ngân Tr trình bày là đúng. Trong đời sống vợ chồng từ khi cưới đến năm 2007 thì không có mâu thuẫn gì. Sau đó tôi phát hiện vợ tôi có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, khi đó tôi có báo Ủy ban xã nơi vợ tôi làm việc và đến nhà người đàn ông mà vợ tôi quen để nói chuyện nhưng không giải quyết được mâu thuẫn nên vợ tôi bỏ về nhà cha mẹ vợ sống và ly thân từ đó cho đến khi tôi phạm tội và bị bắt đến nay. Nay theo yêu cầu xin ly hôn của vợ tôi Võ Thị Ngân Tr thì tôi đồng ý. Về con chung: có 03 con chung như vợ trình bày, hiện các con đã thành niên. Về tài sản chung có 02 thửa đất diện tích chung khoảng hơn 8.000m^2, do vợ tôi đứng tên 01 thửa, tôi đứng tên 01 thửa. Nay tài sản chung tôi yêu cầu khi nào tôi chấp hành án xong thì tôi về giải quyết sau. Về nợ chung: có nợ 120.000.000đồng do vay mượn để khắc phục hậu quả do tôi phạm tội, không biết hiện vợ tôi đã trả chưa.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2018 bị đơn anh Trần Văn Th trình bày: Về tài sản chung tôi yêu cầu khi nào tôi chấp hành án xong thì tôi về giải quyết sau, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Anh Th yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị Võ Thị Ngân Tr yêu cầu được ly hôn với anh Trần văn Th; Về con chung: các con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung; Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

- Anh Th yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ngân Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của chị Võ Thị Ngân Tr, thì chị Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn Th. Anh Th hiện đang chấp hành

án tại Phân trại số 1, Trại giam Mỹ Phước, Tổng cục VIII, Bộ Công an. Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Ly hôn" qui định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản ghi lời khai ngày 08/01/2018 bị đơn anh Đặng Minh Th đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh vì anh đang phải chấp hành án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Trần Văn Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Võ Thị Ngân Tr yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Th. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Ngân Tr, Hội đồng xét xử xét thấy chị Tr và anh Th cưới nhau vào năm 1989, do mai mối, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, không hợp tính tình, thường hay cãi vã, anh Th ghen tuông vô cớ, không thể giải quyết được mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2006 đến nay. Đến năm 2009 chị Tr nộp đơn xin ly hôn anh Th đến Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Vĩnh Long. Trong thời gian chờ Tòa án giải quyết thì anh Th phạm tội giết người và bị bắt xử phạt 15 năm tù, hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại giam Mỹ Phước, Tổng cục VIII, Bộ Công an, nên vợ chồng không hàn gắn được gì. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế thời gian ly thân của chị Tr và anh Th từ năm 2006 đến nay là đã rất lâu, trong thời gian ly thân nhau, chị Tr và anh Th cũng không có một động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị Tr xin được ly hôn đối với anh Th vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn anh Trần Văn Th cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Tr. Như vậy chứng tỏ anh Th cũng không còn tình cảm đối với chị Tr. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tr và anh Th là đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Võ Thị Ngân Tr được ly hôn anh Trần Văn Th là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Tr và anh Th có ba chung là Trần Thạch Ngh, sinh ngày 26/11/1990, Trần Thị Hương N, sinh ngày 22/10/1992 và Trần Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 29/3/1995. Hiện ba con đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr và anh Th xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này. Nếu sau này chị Tr và anh Th có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác tại Tòa án có thẩm quyền.

[5] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có ghi nhận khi khị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận cho chị Võ Thị Ngân Tr được ly hôn với anh Trần văn Th.

2. Về án phí:

Chị Võ Thị Ngân Tr phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 18894 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị Tr thi hành xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Tr được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Th được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã Q, huyện H;
- Các đương sự:
- Lưu.